

**BÁO CÁO**  
**Chỉ tiêu KT-XH năm 2018**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2017	Năm 2018		KH 2019	So sánh		
			Kế hoạch	ước TH 2018		TH18 /TH17	TH18 /KH18	KH19 /TH18
<b>2. Xóa đói giảm nghèo</b>								
- Tổng số hộ	Hộ	6.596	6.695	6.811	6.957	103.26	101.73	102.14
Trong đó: đồng bào dân tộc thiểu số	Hộ	2.785	2.785	2.917	2.975	104.74	104.74	102.00
- Số hộ nghèo (theo chuẩn quốc gia)	Hộ	670	570	530	439	79.10	92.98	82.83
Trong đó: đồng bào dân tộc thiểu số	Hộ	581	426	457	387	78.66	107.28	84.68
- Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn quốc gia)	%	10.16	8.5	7.78	6.31	76.61	91.40	81.09
Trong đó: hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số so với tổng số hộ nghèo	%	86.72	74.74	86.23	88.15	99.43	115.37	102.24
<b>3. Tạo việc làm</b>								
- Tổng số người có việc làm	Người	14.294	14.464	14.411	14.664	100.82	99.63	101.76
- Tổng số người có việc làm mới trong năm	Người	375	400	429	400	114.40	107.25	93.24
- Số người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động	Người	16.512	16.604	16.331	16.736	98.90	98.36	102.48
- Số lao động chưa có việc làm ổn định	Người	60	50	93	55	155.00	186.00	59.14
- Số hộ được vay vốn tạo việc làm	Hộ	100	118	140	145	140.00	118.64	103.57
- Số lao động đã qua đào tạo	Người	4.574	4.673	5.006	4.673	109.44	107.13	93.35

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2017	Năm 2018		KH 2019	So sánh		
			Kế hoạch	ước TH 2018		TH18 /TH17	TH18 /KH18	KH19 /TH18
Trong đó: Đào tạo mới trong năm	Người	395	400	573	500	145.06	143.25	87.26
<b>3. Hỗ trợ xây dựng nhà ở</b>								
- Tổng số nhà	Nhà	0	186	186	10			
trong đó: + Theo Quyết định 22	Nhà		186	186	10			
+ Quỹ đền ơn đáp nghĩa	Nhà							

Nam Đông, ngày 29 tháng 10 năm 2018

**TRƯỞNG PHÒNG**

Võ Phước Hóa



